ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CẤP TỈNH NĂM 2025
(Ban hành kèm Quyết định số 2329 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRƯỚC KHI SẮP XẾP MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP										BIÊN CHẾ ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM							BIÊN CHẾ NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH							Ghi chú
		TỔNG SỐ	Tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
						GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
TỔNG CỘNG		**34176**	**4945**	**5179**	**24052**	**15094**	**3579**	**5618**	**1470**	**331**	**8084**	**4598**	**279**	**495**	**4971**	**-182**	**-63**	**-902**	**38774**	**15373**	**4074**	**10589**	**1288**	**268**	**7182**	
I	**ĐVSN THUỘC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN**	**28023**	**4688**	**4888**	**18447**	**14939**	**935**	**5618**	**1274**	**205**	**5052**	**7215**	**434**	**1202**	**4971**	**14**	**-84**	**678**	**35238**	**15373**	**2137**	**10589**	**1288**	**121**	**5730**	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	**99**	50	18	31	0	0	0	0	0	99	**200**						200	**299**	0	0	0	0	0	299	Tăng 200 biên chế do thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND Thành phố
2	Sở Nội vụ	**289**	86	51	152	0	0	0	0	0	289	**6**						6	**295**	0	0	0	0	0	295	Tăng 06 biên chế bố trí cho Ban Quản trang để tiếp nhận bố trí 06 viên chức từ cơ sở cai nghiện ma túy
3	Sở Tư pháp	**68**	25	14	29						68	**0**							**68**	0	0	0	0	0	68	
4	Sở Tài chính	**49**	33		16	0	0	0	0	0	49	**0**							**49**	0	0	0	0	0	49	
5	Sở Công Thương	**161**	40	21	100	0	0	0	0	0	161	**-12**						-12	**149**	0	0	0	0	0	149	Chuyển 4 biên chế về Trung tâm ITPC'; Chuyển 8 biên chế từ Trung tâm Xúc tiến thương mại, du lịch và phát triển công nghiệp BD về Trung tâm xúc tiến du lịch thuộc Sở Du lịch
6	Sở Xây dựng	**1273**	27	49	1197	0	0	0	0	0	1273	**63**						63	**1336**	0	0	0	0	0	1336	Tăng 109 biên chế do tiếp nhận Trung tâm Phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức theo Đề án số 4833/DA-UBND. Giảm 46 biên chế do chuyển Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc Thành phố (20 biên chế); Trung tâm Thông tin quy hoạch (20 biên chế); Ban Quản lý xây dựng Trung tâm triển lãm quy hoạch Thành phố (6 biên chế) sang Sở Quy hạoch - Kiến trúc
7	Sở Quy hoạch - Kiến trúc											**199**						199	**199**						199	Điều chỉnh: 46 biên chế do nhận biên chế từ Sở Xây dựng và 153 biên chế từ Ban Quản lý đô thị chuyển sang Sở Quy hoạch Kiến trúc
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	**811**	176	169	466	0	0	0	0	0	811	**157**						157	**968**	0	0	0	0	0	968	Tăng 70 biên chế do tiếp nhận Ban Quản lý phòng hộ huyện Cần Giờ, 87 biên chế Ban bồi thường giải phóng mặt bằng cấp huyện theo Đề án số 4833/ĐA-UBND (đề nghị của Sở NNMT tại Công văn số 3399/SNNMT-VP ngày 20/8/2025)
9	Sở Văn hóa và Thể thao	**1241**	164	216	861	0	0	0	1227	0	14	**0**							**1241**	0	0	0	1227	0	14	

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRƯỚC KHI SẮP XẾP MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP										BIÊN CHẾ ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM							BIÊN CHẾ NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH							Ghi chú
		TỔNG SỐ	Tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
						GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
10	Sở Du lịch	**47**			47				47			**14**				14			**61**	0	0	0	61	0	0	Tiếp nhận 6 biên chế từ Trung tâm Xúc tiến thương mại và du lịch tỉnh BRVT, 8 biên chế từ Trung tâm Xúc tiến thương mại, du lịch và phát triển công nghiệp Bình Dương thuộc Sở Công Thương Bình Dương
11	Sở Y tế	**7338**	1521	1829	3988			5618			1720	**4996**			4971			25	**12334**	0	0	10589	0	0	1745	Tăng 4971 biên chế (sự nghiệp y tế) do tiếp nhận 22 Trung tâm Y tế cấp huyện, tăng 22 biên chế (sự nghiệp khác) tiếp nhận Trung tâm An sinh xã hội thành phố Thủ Đức; Tăng 43 biên chế (sự nghiệp khác) do tiếp nhận viên chức, người lao động các cơ sở cai nghiện ma túy của Thành phố về công tác tại các cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Y tế theo Công văn số 4407/UBND-VX ngày 16/6/2025 và Công văn số 2211/UBND-VX ngày 25/9/2025; Giảm 40 viên chức hưởng lương từ NSNN: do giảm 13 viên chức từ Khoa Kiểm nghiệm Dược phẩm, Mỹ phẩm thuộc CDC Bà Rịa - Vũng Tàu và 27 viên chức từ Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Bình Dương.
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	**15795**	2501	2478	10816	14939	856		0	0		**1636**	434	1202					**17431**	15373	2058	0	0	0	0	Tăng 1636 biên chế do tiếp nhận trường giáo dục chuyên biệt, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp theo Đề án số 4833/DA-UBND
13	Sở Khoa học và Công nghệ	**205**	65	43	97	0	0	0	0	205	0	**-84**					-84		**121**	0	0	0	0	121	0	Giảm: 14 viên chức của Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Bình Dương, 33 viên chức của Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh, 17 viên chức của Trung tâm Công nghệ và Thông tin tỉnh BRVT sang Trung tâm Chuyển đổi số TP HCM, Giảm 20 viên chức của Quỹ phát triển KHCN Thành phố HCM thuộc Sở KHCN do thành lập Quỹ Phát triển KHCN Thành phố (là đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố)
14	Sở An toàn thực phẩm	**50**			50	0	0	0	0	0	50	**40**						40	**90**	0	0	0	0	0	90	Tăng 40 viên chức hưởng lương từ NSNN: do tiếp nhận 13 viên chức từ Khoa Kiểm nghiệm Dược phẩm, Mỹ phẩm thuộc CDC Bà Rịa - Vũng Tàu và 27 viên chức từ Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Bình Dương.
15	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	**358**			358	0	42	0	0	0	316	**-59**		-42				-17	**299**	0	0	0	0	0	299	Giảm 42 biên chế giáo dục nghề nghiệp do điều chuyển Trường Trung cấp Trung cấp kỹ thuật nông nghiệp và 17 do điều chuyển BQL Trung tâm thủy sản từ BQL Khu Công nghệ cao sang BQL Khu Nông nghiệp công nghệ cao
16	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao	**239**			239	0	37	0	0	0	202	**59**		42				17	**298**	0	79	0	0	0	219	Tăng 42 biên chế giáo dục nghề nghiệp hưởng lương từ NSNN do tiếp nhận Trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp từ BQL Khu Công nghệ cao theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 (MẬT);Tăng 17 biên chế sự nghiệp khác do tiếp nhận Ban Quản lý Trung tâm Thủy sản BQL Khu Công nghệ cao
II	**ĐVSN THUỘC UBND THÀNH PHỐ**	**6153**	**257**	**291**	**5605**	**155**	**2644**	**0**	**196**	**126**	**3032**	**-2617**	**-155**	**-707**	**0**	**-196**	**21**	**-1580**	**3536**	**0**	**1937**	**0**	**0**	**147**	**1452**	

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRƯỚC KHI SẮP XẾP MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP										BIÊN CHẾ ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM							BIÊN CHẾ NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH							Ghi chú
		TỔNG SỐ	Tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
						GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	Ban Quản lý và Xây dựng Khu Đô thị mới Nam Thành phố	**38**			38	0	0	0	0	0	38	**-38**						-38	**0**	0	0	0	0	0	0	Chuyển biên chế do sáp nhập với Ban Quản lý phát triển đô thị thành phố
2	Ban Quản lý Phát triển đô thị Thành phố	**115**			115	0	0	0	0	0	115	**-115**						-115	**0**	0	0	0	0	0	0	Chuyển biên chế do chuyển về thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc
3	Ban Quản lý Công viên - Lịch sử Văn hóa dân tộc	**63**			63	0	0	0	0	0	63	**0**							**63**	0	0	0	0	0	63	
4	Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư	**75**			75	0	0	0	0	0	75	**67**						67	**142**	0	0	0	0	0	142	Bổ sung 67 biên chế từ ngày 29/8/2025 (gồm: 37 biên chế do sáp nhập Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư tp Thủ Đức và 26 biên chế do sáp nhập Trung tâm Xúc tiến thương mại đầu tư du lịch tỉnh BRVT; 4 biên chế từ Trung tâm Xúc tiến thương mại du lịch và phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương thuộc Sở Công Thương)
5	Viện nghiên cứu phát triển	**163**			163	0	0	0	0	123	40	**0**							**163**	0	0	0	0	123	40	
6	Lực lượng thanh niên xung phong	**2351**			2351	0	41	0	0	0	2310	**-1350**		5				-1355	**1001**	0	46	0	0	0	955	Thu hồi 1.350 sau khi bổ sung 05 cho sự nghiệp giáo dục thường xuyên, 251 cho LLTNXP và 176 cho các cơ sở cai nghiện ma túy chi trả lương cho nhân sự đang có mặt
7	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố	**196**			196	0	0	0	196	0	0	**-196**				-196			**0**	0	0	0	0	0	0	Thu hồi 196 biên chế kể từ ngày 26/8/2025 do hợp nhất với Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố tại Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 26/8/2025
8	Trung tâm Chuyển đổi số	**39**			39	0	0	0	0	0	39	**71**						71	**110**	0	0	0	0	0	110	Tiếp nhận 71 biên chế kể từ ngày 28/8/2025 (gồm: 14 viên chức của Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Bình Dương, 33 viên chức của Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh, 17 viên chức của Trung tâm Công nghệ và Thông tin tỉnh BRVT sang Trung tâm Chuyển đổi số TP HCM; Giao bổ sung 07 biên chế để tiếp nhận nhân sự từ Trung tâm Công nghệ và Thông tin trực thuộc UBND Quận 1 cũ)
9	Trường Đại học Sài Gòn	**804**			804	155	649	0	0	0	0	**-804**	-155	-649					**0**	0	0	0	0	0	0	Thu hồi kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 do chuyển sang tự chủ nhóm 2 theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố
10	Trường Cao đẳng nghề Thành phố	**156**			156	0	156	0	0	0	0	**0**							**156**	0	156	0	0	0	0	

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRƯỚC KHI SẮP XẾP MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP										BIÊN CHẾ ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM							BIÊN CHẾ NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH							Ghi chú
		TỔNG SỐ	Tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
						GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
11	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	**127**			127	0	127	0	0	0	0	**0**							**127**	0	127	0	0	0	0	
12	Trường Cao đẳng nghề Thủ Thiêm	**47**			47	0	47	0	0	0	0	**0**							**47**	0	47	0	0	0	0	
13	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	**83**			83	0	83	0	0	0	0	**0**							**83**	0	83	0	0	0	0	
14	Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	**89**			89	0	89	0	0	0	0	**0**							**89**	0	89	0	0	0	0	
15	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức	**76**			76	0	76	0	0	0	0	**0**							**76**	0	76	0	0	0	0	
16	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	**73**			73	0	73	0	0	0	0	**0**							**73**	0	73	0	0	0	0	
17	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	**295**			295	0	295	0	0	0	0	**0**							**295**	0	295	0	0	0	0	
18	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	**210**			210	0	210	0	0	0	0	**0**							**210**	0	210	0	0	0	0	
19	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh	**264**			264	0	264	0	0	0	0	**0**							**264**	0	264	0	0	0	0	
20	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	**190**			190	0	190	0	0	0	0	**0**							**190**	0	190	0	0	0	0	
21	Trường Cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn	**151**			151	0	151	0	0	0	0	**0**							**151**	0	151	0	0	0	0	
22	Trường Cao đẳng Y tế Bà Rịa - Vũng Tàu	**32**		32			32					**0**							**32**	0	32	0	0	0	0	
23	BQL Trung tâm hành chính - chính trị Bà Rịa - Vũng Tàu	**25**		25							25	**0**							**25**	0	0	0	0	0	25	
24	Trường Cao đẳng sư phạm (BR-VT)	**98**		98			98					**0**							**98**	0	98	0	0	0	0	
25	BQL vườn Quốc gia Côn Đảo (BR-VT)	**66**		66							66	**0**							**66**	0	0	0	0	0	66	

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO TRƯỚC KHI SẮP XẾP MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP										BIÊN CHẾ ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM							BIÊN CHẾ NĂM 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH							Ghi chú
		TỔNG SỐ	Tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						TỔNG SỐ	Trong đó						
						GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC		GDĐT	GDNN-GDĐH	Y TẾ	VH-TT	NCKH	KHÁC	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
26	Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại, du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu	**32**		32							32	**-32**						-32	**0**	0	0	0	0	0	0	Giảm 32 biên chế do hợp nhất với Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
27	Trung tâm Phát triển quỹ đất BRVT	**31**		31							31	**-31**						-31	**0**	0	0	0	0	0	0	Thu hồi biên chế do sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố (nhóm 2)
28	Trường cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Bình Dương (BD)	**63**	63				63					**-63**		-63					**0**	0	0	0	0	0	0	Thu hồi 63 biên chế kể từ ngày 1/7/2025 do chuyển sang tự chủ nhóm 2 tại QĐ 2192/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Bình Dương
	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh (BD)	**3**	3							3		**-3**					-3		**0**	0	0	0	0	0	0	Thu hồi 3 biên chế do sáp nhập với Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ thuộc Sở KHCN TP HCM và Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ BRVT.
29	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh											**24**					24		**24**	0	0	0	0	24	0	Giao 24 biên chế do thành lập Quỹ PT KHCN theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 30/8/2025
30	Trung tâm Phục vụ hành chính công (BD)	**147**	147								147	**-147**						-147	**0**	0	0	0	0	0	0	Thu hồi 147 biên chế do sáp nhập với Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố HCM trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
31	Trung tâm Hoạt động thanh niên (BD)	**15**	15								15	**0**							**15**	0	0	0	0	0	15	
32	Trung tâm Hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ (BD)	**10**	10								10	**0**							**10**	0	0	0	0	0	10	
33	Nhà Thiếu nhi Tỉnh (BD)	**19**	19								19	**0**							**19**	0	0	0	0	0	19	
34	Trung tâm Thanh thiếu nhi tỉnh (BRVT) (trước đây Nhà Thiếu nhi tỉnh BRVT)	**7**		7							7	**0**							**7**	0	0	0	0	0	7	
33	Nhà Thiếu nhi Tỉnh (BD)	**19**	19								19	**0**							**19**	0	0	0	0	0	19	
34	Trung tâm Thanh thiếu nhi tỉnh (BRVT) (trước đây Nhà Thiếu nhi tỉnh BRVT)	**7**		7							7	**0**							**7**	0	0	0	0	0	7	